

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán**



NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-23
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-23

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

Tầng 6&8 tòa nhà CTM, số 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy,
Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103005730 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 33/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 của UBCK Nhà nước; Quyết định về việc bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động của UBCK Nhà nước số 346/QĐ-UBCK ngày 01/06/2007 và số 102/QĐ-GPĐCCTCK ngày 31/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 6&8 tòa nhà CTM, 299 Cầu Giấy, Q.Cầu Giấy, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Hồng Sự	Chủ tịch
Ông Đặng Đức Thành	Phó Chủ tịch
Ông Đinh Quang Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Dương Văn Phúc	Ủy viên
Ông Nguyễn Phú Cường	Ủy viên
Ông Vũ Văn Sơn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Đức Vũ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/02/2011
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14/02/2011
Bà Phùng Thúy Phương	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Hoàng Dũng	Trưởng ban
Ông Lê Văn Khởi	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

Tầng 6&8 tòa nhà CTM, số 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy,
Hà Nội

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2011

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Ngô Đức Vũ

33-
CÔNG
CỔ P
ỨNG
SAO
GIẤY

33-
CÔNG
CỔ P
ỨNG
SAO
GIẤY



Số: *AG3* /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt được lập ngày 28 tháng 02 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Dự phòng giảm giá cổ phiếu chưa niêm yết: Tại thời điểm 31/12/2010, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đối với cổ phiếu chưa niêm yết do không có cơ sở xác định giá thị trường và Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị các khoản đầu tư này là hợp lý.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2011

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
 Kế toán và Kiểm toán (AASC)
 Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0063/KTV

Kiểm toán viên

Vũ Xuân Biễn
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0743/KTV

10/11/2011 10:10

C.T
 H.TY
 HÂN
 KHC
 VIỆT
 T.T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		166.507.209.181	283.318.836.984
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	37.641.712.826	58.561.275.233
111	1. Tiền		25.641.712.826	9.561.275.233
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.000.000.000	49.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	55.245.889.458	36.174.413.796
121	1. Đầu tư ngắn hạn		71.697.665.871	38.400.724.395
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(16.451.776.413)	(2.226.310.599)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		71.755.018.993	188.026.282.883
131	1. Phải thu của khách hàng		1.789.280.120	1.871.377.558
132	2. Trả trước cho người bán		631.627.496	564.507.601
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6	11.416.065.550	20.169.590.608
138	5. Các khoản phải thu khác	7	58.222.545.827	165.725.307.116
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(304.500.000)	(304.500.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.864.587.904	556.865.072
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		254.248.732	70.957.178
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		734.260.810	-
154	4. Tài sản ngắn hạn khác		876.078.362	485.907.894
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		59.540.109.285	107.670.235.968
220	II. Tài sản cố định		10.741.607.976	6.447.537.040
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	2.136.597.201	3.755.546.847
222	- Nguyên giá		8.519.324.751	8.331.587.751
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.382.727.550)	(4.576.040.904)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	1.947.730.775	2.691.990.193
228	- Nguyên giá		4.388.652.753	3.735.402.753
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.440.921.978)	(1.043.412.560)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		6.657.280.000	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	46.143.950.000	97.473.910.300
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		46.143.950.000	101.204.958.200
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	(3.731.047.900)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.654.551.309	3.748.788.628
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	511.173.697	1.203.144.581
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	12	1.036.497.472	373.468.667
268	4. Tài sản dài hạn khác		1.106.880.140	2.172.175.380
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			226.047.318.466	390.989.072.952

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		48.662.668.575	192.231.925.254
310	I. Nợ ngắn hạn		48.551.716.237	192.106.839.949
312	2. Phải trả người bán		355.005.583	407.009.161
313	3. Người mua trả tiền trước		215.000.000	15.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	528.818.149	976.939.567
315	5. Phải trả người lao động		101.793.257	1.917.302
316	6. Chi phí phải trả	14	1.035.998.332	490.448.903
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	36.216.728.016	179.519.204.664
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	11.374.542.195	11.444.498.526
321	10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		365.486.600	834.677.721
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(1.641.655.895)	(1.582.855.895)
330	II. Nợ dài hạn		110.952.338	125.085.305
333	3. Phải trả dài hạn khác		56.782.065	56.782.065
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		54.170.273	68.303.240
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		177.384.649.891	198.757.147.698
410	I. Vốn chủ sở hữu		177.384.649.891	198.757.147.698
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17	135.000.000.000	135.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		62.220.000.000	62.220.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		231.817.946	231.817.946
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(20.067.168.055)	1.305.329.752
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		226.047.318.466	390.989.072.952

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
006	6. Chứng khoán lưu ký		339.080.470.000	384.820.250.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		305.074.440.000	365.240.410.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		18.027.290.000	25.164.440.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		286.697.830.000	340.075.970.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		349.320.000	-
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		20.235.730.000	14.218.760.000
013	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		-	14.218.760.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		20.235.730.000	-
015	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài		-	-
022	6.4. Chứng khoán tạm giữ		-	341.080.000
026	- Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác		-	341.080.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		3.570.300.000	-
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		3.570.300.000	-
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		19.744.190.000	10.824.390.000

Người lập



Nguyễn Thị Bích Hằng

Phó phòng kế toán



Nguyễn Văn Bình

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Tổng Giám đốc



Ngô Đức Vũ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu	18	41.898.379.981	69.370.898.191
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		10.682.421.795	14.513.364.130
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		18.594.230.579	43.013.708.605
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	2.093.400
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		18.672.578	4.272.200.001
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		2.145.035.705	-
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		166.545.458	395.000.009
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	41.360.000
01.9	Doanh thu khác		10.291.473.866	7.133.172.046
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		41.898.379.981	69.370.898.191
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	19	43.480.220.638	6.092.598.467
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(1.581.840.657)	63.278.299.724
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	20.013.601.895	19.328.262.313
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(21.595.442.552)	43.950.037.411
31	8. Thu nhập khác		263.987.624	466.810.785
32	9. Chi phí khác		41.042.879	3.411.217.204
40	10. Lợi nhuận khác		222.944.745	(2.944.406.419)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(21.372.497.807)	41.005.630.992
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(21.372.497.807)	41.005.630.992
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	(1.583)	3.037

Người lập



Nguyễn Thị Bích Hằng

Phó phòng kế toán



Nguyễn Văn Bình

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2011
Tông Giám đốc



Ngô Đức Vũ

33
CÔNG TY
CHỨNG KHOÁN
SAO VIỆT
KIỂM

33

ÔNG
Ồ PI
NG I
V O V

4Y

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2010

Thuyết minh	Đầu năm		Tăng		Giảm		Cuối năm	
	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	62.220.000.000	62.220.000.000	-	-	-	-	62.220.000.000	62.220.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	231.817.946	231.817.946	-	-	-	-	231.817.946	231.817.946
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.305.329.752	(39.700.301.240)	-	41.005.630.992	(21.372.497.807)	-	(20.067.168.055)	1.305.329.752
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	198.757.147.698	157.751.516.706	-	41.005.630.992	(21.372.497.807)	-	177.384.649.891	198.757.147.698

Người lập

Nguyễn Thị Bích Hằng

Nguyễn Thị Bích Hằng

Phó phòng kế toán

Nguyễn Văn Bình

Nguyễn Văn Bình



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(21.372.497.807)	41.005.630.992
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		3.204.196.064	2.633.546.595
03	Các khoản dự phòng		10.494.417.914	(17.742.205.984)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.534.990.870)	(9.469.527.665)
06	Chi phí lãi vay		5.774.905.992	140.183.333
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(13.433.968.707)	16.567.627.271
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		115.832.236.454	(167.555.089.719)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán thương mại		21.764.066.724	(42.624.033.055)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(147.813.337.064)	177.001.487.205
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		508.679.330	2.924.989.076
13	Tiền lãi vay đã trả		(5.774.905.992)	(140.183.333)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.615.273.138)	-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.838.059.243	100.000.000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(261.843.127)	(1.091.966.535)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(24.956.286.277)	(14.817.169.090)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(7.498.267.000)	(2.611.132.622)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	517.836.452
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.534.990.870	9.469.527.665
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.036.723.870	7.376.231.495
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		45.500.000.000	106.813.850.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(45.500.000.000)	(106.813.850.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(20.919.562.407)	(7.440.937.595)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm		58.561.275.233	66.002.212.828
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	4	<u>37.641.712.826</u>	<u>58.561.275.233</u>

Người lập

Nguyễn Thị Bích Hằng

Phó phòng kế toán

Nguyễn Văn Bình

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2011
Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT
Ngô Đức Vũ

C. P. H. N. O. I.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

1 . THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103005730 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 33/UBCK-GPHĐKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 của UBCK Nhà nước; Quyết định về việc bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động của UBCK Nhà nước số 346/QĐ-UBCK ngày 01/06/2007 và số 102/QĐ-GPĐCCTCK ngày 31/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 6&8 tòa nhà CTM, 299 Cầu Giấy, Q.Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 135.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng). Tương đương 13.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	Tầng 3A Toà nhà Bến Thành, 186-188 Lê Thánh Tôn, Quận I, TP HCM	Môi giới chứng khoán

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

=
-
-
IC
PI
31
JA
-
Y
=

020
CÔNG
CHÍNH
CH VÀ
CHÍNH
VÀ KI
ANR

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị văn phòng	03	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31/12/2010.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba Công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2010 đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên và không có được thông tin tình hình tài chính và giá trị sổ sách của các tổ chức phát hành thì sẽ không được trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2010.

C. T. AN HC LE T.

13033 - C
 TV
 DU HAN
 U VAN
 KE TOAN
 I TOAN
 M - TP. HT

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	12.769.840	576.984.767.650
- Cổ phiếu	12.769.840	576.984.767.650
Của người đầu tư	171.681.846	5.423.449.120.000
- Cổ phiếu	171.681.846	5.423.449.120.000
	184.451.686	6.000.433.887.650

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	425.702.924	395.114.828
Tiền gửi ngân hàng	872.508.410	1.906.933.238
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	4.617.251	2.790.408
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	24.338.884.241	7.256.436.759
Các khoản tương đương tiền (*)	12.000.000.000	49.000.000.000
	37.641.712.826	58.561.275.233

(*) Số dư tại ngày 31/12/2010 của các khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn như sau:

- Hợp đồng tiền gửi số 0089.34.001.10 ngày 09/12/2010 tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội, với số tiền là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 16%/năm, kỳ hạn từ ngày 09/12/2010 đến ngày 10/01/2011.

- Hợp đồng tiền gửi số 00101.34.001.10 ngày 31/12/2010 tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội, với số tiền là 10.000.000.000 đồng, lãi suất 14%/năm, kỳ hạn từ ngày 31/12/2010 đến ngày 31/01/2010.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	71.697.665.871	38.400.724.395
- Chứng khoán niêm yết	71.697.665.871	38.400.724.395
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(16.451.776.413)	(2.226.310.599)
	55.245.889.458	36.174.413.796

Chi tiết danh mục chứng khoán bị giảm giá chủ yếu:

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng, giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường		Chí chú
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Cổ phiếu niêm yết									
- SDB	256.700	-	7.637.150.000	-	(4.069.020.000)	-	3.568.130.000	-	
- SEL	159.000	-	4.012.811.213	-	(2.009.411.213)	-	2.003.400.000	-	
- SIC	15.713	44	506.051.145	1.370.268	(139.938.245)	292.932	366.112.900	1.663.200	
- SJM	237.594	51	5.665.297.768	924.733	(2.552.816.368)	819.467	3.112.481.400	1.744.200	
- STL	8.500	-	424.271.429	-	(137.821.429)	-	286.450.000	-	
- STP	13.120	80	518.503.347	3.936.000	(97.351.347)	(712.000)	421.152.000	3.224.000	
- DXG	141.000	-	5.970.215.097	-	(1.923.515.097)	-	4.046.700.000	-	
- HLA	15.006	-	332.520.387	-	(153.948.987)	-	178.571.400	-	
- KBC	80.000	-	3.193.070.610	-	(473.070.610)	-	2.720.000.000	-	
- LHG	42.380	-	2.384.712.839	-	(460.660.839)	-	1.924.052.000	-	
- NTB	15.000	-	428.800.000	-	(170.800.000)	-	258.000.000	-	
- PET	160.006	1	2.891.933.742	29.000	(139.830.542)	(6.000)	2.752.103.200	23.000	
- SIS	540.415	936.945	36.283.948.862	63.471.474.600	(3.048.426.362)	11.484.125.400	33.235.522.500	74.955.600.000	
- VFAVFI	98.000	-	994.700.000	-	(994.700.000)	-	-	-	

6 . PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	166.065.550	169.590.608
Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	11.250.000.000	20.000.000.000
	11.416.065.550	20.169.590.608

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	50.755.749	-
Phải thu NĐT tiền thiếu mua chứng khoán	7.677.311.983	-
Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền bán CK	407.600.767	-
Môi giới đầu tư mua cổ phiếu chưa niêm yết	6.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu các hợp đồng hợp tác kinh doanh	36.557.427.501	123.228.756.000
Ông Nguyễn Duy Ngọc	3.355.549.946	3.355.549.946
Ông Nguyễn Anh Tuấn	2.920.000.000	2.920.000.000
Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại Sài Gòn	-	1.530.040.323
Cổ phiếu Vitranschart	165.950.553	165.950.553
Phải thu cổ tức	23.424.200	23.424.200
Phải thu khác	1.064.525.128	28.501.586.094
	58.222.545.827	165.725.307.116

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	4.414.497.701	1.556.576.019	2.360.514.031	8.331.587.751
Số tăng trong năm	187.737.000	-	-	187.737.000
- Mua sắm mới	187.737.000			187.737.000
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.602.234.701	1.556.576.019	2.360.514.031	8.519.324.751
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	2.104.065.498	610.941.920	1.861.033.486	4.576.040.904
Số tăng trong năm	978.312.102	339.588.332	488.786.188	1.806.686.622
- Trích khấu hao	978.312.102	339.588.332	488.786.188	1.806.686.622
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.082.377.600	950.530.252	2.349.819.674	6.382.727.526
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Đầu năm	2.310.432.203	945.634.099	499.480.545	3.755.546.847
Cuối năm	1.519.857.101	606.045.767	10.694.357	2.136.597.225

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	3.735.402.753
Số tăng trong năm	653.250.000
- Mua sắm mới	653.250.000
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	<u>4.388.652.753</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	1.043.412.560
Số tăng trong năm	1.397.509.418
- Trích khấu hao	1.397.509.418
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	<u>2.440.921.978</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Đầu năm	<u>2.691.990.193</u>
Cuối năm	<u>1.947.730.775</u>

Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2010	Tài sản cố định và trang thiết bị		Tỷ lệ tài sản cố định và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	
135.000.000.000	Nguyên giá	12.907.977.504	0,10
	Khấu hao	(8.823.649.528)	
	Giá trị còn lại	4.084.327.976	0,03

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn	46.143.950.000	101.204.958.200
- Chứng khoán chưa niêm yết sẵn sàng để bán	46.143.950.000	101.204.958.200
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	-	(3.731.047.900)
	<u>46.143.950.000</u>	<u>97.473.910.300</u>

(*) Tại ngày 31/12/2010, các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn chưa niêm yết không có giá tham khảo vì vậy Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí cải tạo nội thất sàn	489.065.788	492.386.103
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	577.681.546
Chi phí sửa lắp đặt mạng máy tính	22.107.909	11.503.060
Chi phí xây dựng phòng giao dịch	-	121.573.872
	511.173.697	1.203.144.581

12 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	373.468.667	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	605.309.562	253.468.667
Tiền lãi phân bổ trong năm	57.719.243	-
Số cuối năm	1.036.497.472	373.468.667

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	10.624.421
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	926.809.296
Thuế Thu nhập cá nhân	528.818.149	39.505.850
	528.818.149	976.939.567

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền lương và thưởng tết	657.612.596	345.574.916
Chi phí kiểm toán	80.000.000	80.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	183.600.000	-
Chi phí phải trả khác	114.785.736	64.873.987
	1.035.998.332	490.448.903

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	190.790.951	109.342.814
Bảo hiểm xã hội	19.467.246	43.023.178
Bảo hiểm y tế	26.674.216	19.223.025
Bảo hiểm thất nghiệp	14.663.807	19.799.088
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.461.045.365	86.959.122.827
Mối giới đầu tư mua Cổ phiếu chưa niêm yết	6.000.000.000	6.000.000.000
Phải trả theo các HĐHTKD	18.000.000.000	80.000.000.000
BIDV Ba Đình giải ngân vay cầm cố (phải trả NDT)	679.120.033	679.120.033
Tiền nhà đầu tư nộp mua phát hành thêm CP cho TTLK	185.395.330	925.231.330
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.639.571.068	4.764.342.369
	<u>36.216.728.016</u>	<u>179.519.204.664</u>

16 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải trả Sở (Trung tâm) Giao dịch chứng khoán	124.542.195	194.498.526
Phải trả khách hàng về giao dịch chứng khoán	11.250.000.000	11.250.000.000
	<u>11.374.542.195</u>	<u>11.444.498.526</u>

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	135.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	135.000.000.000	135.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	135.000.000.000	135.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

b) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

2010
 CÔNG
 TY CỔ PHẦN
 CHỨNG KHOÁN
 SAO VIỆT
 HÀ NỘI

P. 3:
 CÔNG
 CỔ I
 HỨNG
 SAO
 GIẤY

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	41.898.379.981	69.370.898.191
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	10.682.421.795	14.513.364.130
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, hợp tác KD	18.594.230.579	43.013.708.605
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	2.093.400
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	18.672.578	4.272.200.001
- Doanh thu hoạt động tư vấn	2.145.035.705	-
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	166.545.458	395.000.009
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	-	41.360.000
- Doanh thu khác	10.291.473.866	7.133.172.046
	41.898.379.981	69.370.898.191

19 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	4.709.431.465	2.980.956.640
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	21.831.916.907	19.623.377.657
Chi phí hoạt động tư vấn	439.110.306	1.434.911.127
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	207.399.181	83.002.266
Chi phí dự phòng	10.494.417.914	(22.033.693.092)
Chi phí khác	5.797.944.865	4.004.043.869
	43.480.220.638	6.092.598.467

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.380.185.231	6.434.251.947
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	770.891.009	2.682.227.110
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.218.974.916	2.969.271.552
Thuế, phí và lệ phí	160.075.622	372.974.510
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	304.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.350.644.970	5.474.192.866
Chi phí khác bằng tiền	1.132.830.147	1.090.844.328
	20.013.601.895	19.328.262.313



21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(21.372.497.807)	41.005.630.992
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.804.864.508)	(773.156.293)
- Các khoản điều chỉnh tăng	470.423.742	1.369.449.517
+ Chi phí không được trừ khi tính thuế	470.423.742	108.657.400
+ Tiền phạt thuế	-	310.829.061
+ Truy thu thuế TNDN, GTGT, môn bài	-	949.963.056
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.275.288.250)	(2.142.605.810)
+ Cổ tức	(3.145.288.250)	(2.142.605.810)
+ Hoàn nhập dự phòng chứng khoán OTC (cơ quan thuế đã loại ra khỏi chi phí hợp lý tính thuế TNDN năm 2007)	(3.130.000.000)	
Tổng thu nhập chịu thuế	(32.511.803.081)	40.232.474.699
Chuyển lỗ năm trước	(1.325.057.592)	(41.557.532.291)
Thu nhập tính thuế	(40.112.148.923)	(1.325.057.592)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(21.372.497.807)	41.005.630.992
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(21.372.497.807)	41.005.630.992
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	13.500.000	13.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.583)	3.037

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



24. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Mối giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Lĩnh vực khác VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ bên ngoài	10.682.421.795	18.594.230.579	10.291.473.866	2.330.253.741	41.898.379.981
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế					(21.595.442.552)
Tài sản bộ phận trực tiếp	24.504.949.791	101.389.839.458	56.642.340.251	-	182.537.129.500
Tài sản không phân bổ					43.510.188.966
Tổng tài sản	24.504.949.791	101.389.839.458	56.642.340.251	-	226.047.318.466
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	9.461.045.365	-	18.000.000.000	-	27.461.045.365
Nợ không phân bổ					21.201.623.210
Tổng nợ phải trả	9.461.045.365	-	18.000.000.000	-	48.662.668.575

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

KIỂM TOÁN
CÔNG TY
TỰ TU VI
KIỂM TOÁN

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi chế độ kế toán. Thực hiện theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc thay đổi chế độ kế toán hiện hành, từ ngày 01/01/2010 số dư Quỹ khen thưởng, Phúc lợi được trình bày trong mục nợ ngắn hạn thay cho trước đây được trình bày trong mục vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Và một số chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được phân loại lại theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Chứng khoán.

	Mã số	Phân loại và trình bày lại VND	Trình bày trên báo cáo năm trước VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ ngắn hạn	310	192.106.839.949	193.689.695.844
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(1.582.855.895)	-
Vốn chủ sở hữu	400	198.757.147.698	197.174.291.803
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ			
Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán thương mại	10	(42.624.033.055)	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh CK	20	(14.817.169.090)	27.806.863.965
Tiền chi mua chứng khoán	25	-	(368.544.270.424)
Tiền thu hồi bán lại chứng khoán	26	-	325.920.237.369
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.376.231.495	(35.247.801.560)

Người lập



Nguyễn Thị Bích Hằng

Phó phòng kế toán



Nguyễn Văn Bình

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Tổng Giám đốc



Ngô Đức Vũ